TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 65DCHT23
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2016-2017

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC2TH33_Automat và ngôn ngữ hình thức (2)		DC2HT38_Công nghệ phần mềm (3)		DC2HT36_Lập trình trên môi trường Web (3)		DC2TH34_Nhập môn chương trình dịch (2)		DC3HT40_Phân tích và thiết kế hướng đối tượng		DC3TT47_Quản trị mạng (3)		DC3HT46_Thiết kế mạng máy tính (3)		DC3HT12_Trí tuệ nhân tạo (3)																				Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																						1.110.000
1	65DCHT22964	Lê Thế	Anh	07/05/1996	5.6	C	6.2	C+	6.7	C+	6.6	C+	6.7	C+	2.3	F	7.7	B	3.1	F																					2	30.000
2	65DCHT23329	Ngô Hoàng	Anh	18/10/1996	7.2	B	7.2	B			8.6	A	7.1	B			7.6	B	6.5	C+																						
3	65DCHT23987	Nguyễn Minh	Anh	18/12/1996			2.0	F	1.7	F	0.0	F	1.7	F			6.2	C+																							3	45.000
4	65DCHT23229	Đinh Văn	Diệu	06/07/1995	7.4	B	3.0	F	6.0	C+	5.5	C	7.8	B	4.2	D	6.7	C+	4.9	D																					1	15.000
5	65DCHT21963	Vũ Thị	Dung	13/04/1996	8.9	A	7.9	B			7.2	B	8.8	A	3.8	F	7.0	B	7.6	B																					1	15.000
6	65DCHT22363	Nguyễn Đoàn Thị Minh	Đan	06/05/1996	7.5	B	7.9	B	7.7	B	8.5	A	8.8	A	8.4	B+	7.9	B	8.3	B+																						
7	65DCHT24110	Đỗ Hữu	Đạt	10/05/1996	7.9	B	6.5	C+	4.0	D	5.8	C	6.8	C+	4.2	D	8.4	B+	7.0	B																						
8	65DCHT21957	Phạm Tất	Đạt	21/04/1996	4.9	D	3.0	F			6.3	C+	7.1	B	4.5	D	6.7	C+	4.4	D																					1	15.000
9	65DCHT21976	Lê Quang	Đức	13/05/1996	6.0	C+	2.9	F	6.5	C+	6.3	C+	6.4	C+	2.1	F	6.7	C+	4.1	D																					2	30.000
10	65DCHT23231	Nguyễn Văn	Giang	06/12/1996	7.6	B	7.9	B			7.7	B	7.7	B	7.2	B	7.0	B	5.3	D+																						
11	65DCHT21977	Nguyễn Hồng	Hà	09/11/1995	7.0	B	7.1	B	6.2	C+	6.4	C+	7.8	B	4.2	D	7.0	B	4.9	D																						
12	65DCHT21967	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/03/1996	6.9	C+	7.9	B	7.5	B	7.2	B	8.4	B+	7.7	B	7.9	B	7.0	B																						
13	65DCHT23997	Đàm Thị	Hạnh	02/02/1996	7.4	B	7.9	B			4.6	D	8.9	A	7.6	B	7.5	B	7.1	B																						
14	65DCHT22353	Vũ Trung	Hiếu	02/10/1995			2.3	F	1.7	F	1.8	F	7.8	B	0.9	F	7.7	B																							4	60.000
15	65DCHT21960	Nguyễn Thị	Hoa	01/12/1996	8.3	B+	7.9	B	7.4	B	7.2	B	8.9	A	7.3	B	7.5	B	5.5	C																						
16	65DCHT23236	Tạ Thị	Hoà	21/07/1996	7.7	B	7.9	B	8.4	B+	9.8	A	9.0	A	6.6	C+	7.9	B	8.5	A																						
17	65DCHT21980	Nguyễn Viết	Hoàn	13/12/1996			0.0	F	1.7	F	0.0	F	0.0	F			0.0	F																							1	15.000
18	65DCHT23923	Trần Ngọc	Hoàn	29/02/1996	6.0	C+	6.9	C+	6.3	C+	6.8	C+	6.2	C+	2.3	F	7.7	B	4.6	D																					1	15.000
19	65DCHT23925	Lưu Đức	Huy	26/09/1996	7.9	B	6.5	C+	7.0	B	7.4	B	7.4	B	4.7	D	7.7	B	5.8	C																						
20	65DCHT22366	Nguyễn Thị	Huyền	07/05/1996			1.7	F			2.0	F	2.5	F	1.5	F	2.1	F																							5	75.000
21	65DCHT21975	Mai Quốc	Hưng	26/06/1996	6.7	C+	6.9	C+	9.9	A	4.9	D	8.4	B+	6.9	C+	6.1	C+	4.1	D																						
22	65DCHT22360	Nguyễn Thu	Hương	11/09/1996	7.2	B	7.2	B			7.2	B	8.3	B+	7.6	B	7.0	B	8.1	B+																						
23	65DCHT21652	Phan Trung	Kiên	27/02/1996			1.7	F	1.7	F	0.0	F	2.2	F	0.7	F	1.9	F																							5	75.000
24	65DCHT23237	Vũ Thị	Lệ	11/04/1996	7.7	B	7.2	B			7.6	B	9.0	A	6.0	C+	7.0	B	6.3	C+																						
25	65DCHT22350	Hoàng Thị	Linh	07/08/1995	7.3	B	7.5	B	4.1	D	1.9	F	8.0	B+	5.2	D+	7.0	B	6.3	C+																					1	15.000
26	65DCHT22205	Hoàng Tuấn	Linh	13/11/1996	5.5	C	7.2	B	4.1	D	6.3	C+	7.7	B	5.8	C	7.0	B	3.2	F																					1	15.000
27	65DCHT21978	Trịnh Ngọc	Linh	11/10/1996	4.9	D	6.4	C+	1.9	F	1.7	F	8.0	B+	1.5	F	5.8	C	5.6	C																					3	45.000
28	65DCHT23821	Nguyễn Bá	Lộc	05/04/1994	7.0	B	7.0	B	9.9	A	7.8	B	8.9	A	7.2	B	6.1	C+	3.2	F																					1	15.000
29	65DCHT23988	Nguyễn Ngọc Tuấn	Minh	08/05/1996			1.5	F	1.9	F	0.0	F	0.0	F			1.5	F																							3	45.000
30	65DCHT22129	Lê Hoàng	Nam	09/12/1996	8.8	A	6.0	C+	6.9	C+	5.4	D+	6.4	C+	6.5	C+	8.4	B+	6.0	C+																						
31	65DCHT23238	Phạm Khắc	Nam	15/09/1995	6.3	C+	2.6	F	6.7	C+	2.7	F	7.9	B	5.1	D+	6.7	C+	1.8	F																					3	45.000

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC2TH33_Automat và ngôn ngữ hình thức (2)		DC2HT38_Công nghệ phần mềm (3)		DC2HT36_Lập trình trên môi trường Web (3)		DC2TH34_Nhập môn chương trình dịch (2)		DC3HT40_Phân tích và thiết kế hướng đối tượng		DC3TT47_Quản trị mạng (3)		DC3HT46_Thiết kế mạng máy tính (3)		DC3HT12_Trí tuệ nhân tạo (3)																				Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																				1.110.000
32	65DCHT23235	Nguyễn Tuấn	Nghị	02/09/1996	7.7	B	7.9	B	8.6	A	6.3	C+	8.4	B+	8.0	B+	8.1	B+	4.2	D																				
33	65DCHT24154	Hoàng Sĩ	Nguyên	13/03/1996			1.5	F	1.7	F	0.0	F	0.0	F			1.8	F																					3	45.000
34	65DCHT22359	Trần Thị	Nhàn	21/01/1996	7.8	B	6.8	C+			6.0	C+	8.4	B+	6.6	C+	7.0	B	9.0	A																				
35	65DCHT24186	Nguyễn Duy	Quang	05/07/1996			2.0	F	1.7	F	0.0	F	1.6	F	0.5	F	2.1	F																					5	75.000
36	65DCHT23331	Hoàng Vũ	Quân	28/08/1996	6.9	C+	6.4	C+			7.2	B	7.7	B	7.8	B	7.2	B	9.7	A																				
37	65DCHT23475	Kiều Tiến	Quân	04/11/1996	6.3	C+	6.2	C+	3.5	F	5.6	C	8.9	A	2.3	F	7.9	B	3.1	F																			3	45.000
38	65DCHT23476	Phan Thế Anh	Quân	04/06/1996	6.0	C+	7.9	B	3.5	F	5.4	D+	7.6	B	6.3	C+	7.9	B	4.9	D																			1	15.000
39	65DCHT23926	Tạ Văn	Quân	04/03/1996	6.9	C+	7.0	B	3.9	F	3.5	F	8.0	B+			7.7	B	2.4	F																			3	45.000
40	65DCHT22971	Đỗ Thị	Quyên	19/05/1996	7.4	B	7.8	B	4.1	D	6.5	C+	8.1	B+	6.1	C+	7.0	B	5.5	C																				
41	65DCHT22356	Lê Đình	Sơn	20/09/1995	7.0	B	7.2	B			7.4	B	7.7	B	8.6	A	8.1	B+	6.6	C+																				
42	65DCHT22370	Nguyễn Trường	Sơn	08/02/1996	6.9	C+	7.2	B	1.7	F	4.3	D	7.7	B	5.0	D+	7.0	B	4.8	D																			1	15.000
43	65DCHT23322	Nguyễn Minh	Tân	22/09/1996	7.1	B	6.8	C+	6.0	C+	1.9	F	6.4	C+	2.2	F	7.7	B	3.2	F																			3	45.000
44	65DCHT21619	Vũ Tiến	Thành	26/12/1996			1.6	F	1.7	F	1.9	F	2.5	F	2.2	F	1.9	F																					6	90.000
45	65DCHT21618	Đỗ Duy	Thắng	03/04/1996	8.8	A	7.0	B	5.8	C	8.0	B+	7.7	B			6.1	C+	4.6	D																				
46	65DCHT22221	Trần Thị	Thuỷ	08/09/1995	9.0	A	6.3	C+	7.7	B	7.0	B	8.6	A	6.9	C+	7.4	B	3.3	F																			1	15.000
47	65DCHT24105	Trần Văn	Thức	19/12/1996	6.4	C+	6.2	C+			6.1	C+	7.4	B	7.1	B	8.4	B+	2.6	F																			1	15.000
48	65DCHT24003	Trần Đức Việt	Tiến	12/12/1996	8.4	B+	6.8	C+	3.3	F	6.9	C+	7.0	B			6.2	C+	3.9	F																			2	30.000
49	65DCHT21624	Đỗ Năng	Trường	11/11/1996	7.9	B	7.0	B			7.0	B	7.4	B	7.9	B	7.2	B	4.4	D																				
50	65DCHT23927	Mai Quang	Tú	01/03/1996	7.1	B	6.8	C+	8.3	B+	2.0	F	7.9	B	4.3	D	6.9	C+	5.3	D+																			1	15.000
51	65DCHT23922	Phùng Thị	Xuân	29/03/1996	8.6	A	8.8	A	9.3	A	10	A	9.1	A	8.7	A	8.1	B+	7.0	B																				
52	65DCHT23473	Cao Thị	Yến	09/11/1996			1.9	F	1.9	F	1.8	F	2.0	F	0.8	F	2.1	F																					6	90.000

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN			DC2TH33_Automat và ngôn ngữ hình thức (2)		DC2HT38_Công nghệ phần mềm (3)		DC2HT36_Lập trình trên môi trường Web (3)		DC2TH34_Nhập môn chương trình dịch (2)		DC3HT40_Phân tích và thiết kế hướng đối tượng		DC3TT47_Quản trị mạng (3)		DC3HT46_Thiết kế mạng máy tính (3)		DC3HT12_Trí tuệ nhân tạo (3)																Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																1.110.000